

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: CHLOROETHANE

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Chloroethane
- Công thức phân tử:** C₂H₅Cl
- CAS:** 75-00-3
- Mã EC:** 200-796-7
- Tên khác:** Ethyl chloride, Monochloroethane
- Sử dụng:** Dung môi, khí gây mê cục bộ (y học), phản ứng tổng hợp hữu cơ
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0314051291
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Flam. Gas 1 – H220 (Khí dễ cháy)
- Press. Gas – H280 (Khí nén)
- Acute Tox. 4 – H332 (Hít phải độc hại)
- STOT SE 3 – H336 (Có thể gây buồn ngủ, chóng mặt)
- Asp. Tox. 1 – H304 (Nguy cơ tổn thương phổi nếu nuốt phải và hít vào)
- Aquatic Chronic 2 – H411 (Độc với sinh vật thủy sinh lâu dài)

Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Biểu tượng nguy hại: ☠️ (GHS02, GHS04, GHS08, GHS09)

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H220: Khí dễ cháy.
- H280: Khí nén; có thể nổ khi nóng.
- H332: Có hại nếu hít phải.
- H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
- H304: Nguy cơ tổn thương phổi nếu nuốt/hít.
- H411: Độc với sinh vật thủy sinh, tác hại lâu dài.

Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh nguồn lửa, không hút thuốc.
- P260: Không hít khí/dung dịch.
- P271: Sử dụng ở nơi thông thoáng.
- P280: Đeo găng tay, kính bảo hộ.
- P304+P340: Nếu hít phải, đưa nạn nhân ra nơi thông thoáng.
- P301+P310: Nếu nuốt phải, gọi bác sĩ ngay.
- P403+P233: Bảo quản nơi thông thoáng, đóng kín bình chứa.
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Chloroethane (C ₂ H ₅ Cl)	75-00-3	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần, gọi cấp cứu.
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng xà phòng và nước, tháo bỏ quần áo nhiễm.
- Tiếp xúc mắt:** Rửa kỹ bằng nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.

- **Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi trung tâm chống độc ngay.

Triệu chứng: Buồn ngủ, chóng mặt, kích ứng da, mắt, khó thở nếu hít phải lượng lớn.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột, bột khô.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Khí dễ cháy, nổ khi áp suất cao hoặc gặp lửa.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay chống cháy, quần áo bảo hộ.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ.
- **Biện pháp môi trường:** Tránh xả vào nguồn nước, đất.
- **Thu gom:** Đóng kín bình chứa, tránh rò rỉ và phát tán khí.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong tủ hút, tránh lửa, tia lửa, nhiệt.
- **Bảo quản:** Bình kín, nơi khô, mát, thông thoáng, tránh ánh sáng trực tiếp.
- **Không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, axit mạnh, kim loại nóng.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 100 ppm (ACGIH)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay, áo phòng thí nghiệm
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc khí hữu cơ
 - Da: Quần áo bảo hộ chống hóa chất

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Khí nén hoặc lỏng dưới áp suất
Mùi	Ngọt, dễ nhận biết
Điểm sôi	12.3°C
Điểm chớp cháy	-37°C
Tỷ trọng	0.898 g/cm ³ (lỏng)
Tan trong nước	8.3 g/100 mL (20°C)
Ổn định	Ổn định ở điều kiện phòng

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện thường, tránh nhiệt và ánh sáng mạnh.
- **Phản ứng nguy hiểm:** Tương tác với chất oxy hóa mạnh, nhiệt, lửa.
- **Sản phẩm phân hủy:** HCl, CO, CO₂, khói cacbon.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 1600 mg/kg
- **LC₅₀ (hít, chuột):** 80,000 ppm/4h
- **Tác hại:** Gây kích ứng mắt, da, hít phải có thể gây buồn ngủ, chóng mặt; nguy cơ tổn thương phổi nếu hít hoặc nuốt.

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Có hại cho sinh vật thủy sinh, tác hại lâu dài.
- **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
- **Tích lũy sinh học:** Không đáng kể.

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom khí/dung dịch còn lại vào bình kín.
- Xử lý theo quy định hóa chất nguy hại, không xả ra môi trường.

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 1030
- **Loại nguy hiểm:** 2.1 (Khí dễ cháy), 3 (dưới áp suất)
- **Nhãn nguy hiểm:** Flammable gas (GHS02), Compressed gas (GHS04)

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012**, **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày phát hành SDS:** 15/10/2025
- **Tham khảo:** PubChem CID 6341, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế